

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 34

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn số 47):

Kinh văn 47: “**Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập Tứ niệm xứ quán**” (Nghĩa là: Dùng niệm xứ trang nghiêm, nên có thể khéo tu tập quán tứ niệm xứ).

(Chúng ta cũng đã nghe HT giảng 2 phép quán đầu là “Quán thân bất tịnh”, “Quán thọ thị khổ”, và cũng đang nghe dở đến phép quán thứ 3 là “Quán tâm vô thường”. Xin tóm tắt lại đoạn đầu của “Quán tâm vô thường” mà HT đã giảng trong bài trước:

Vọng tâm là cái vô thường, thường xuyên biến đổi không ngừng trong từng sát na sinh diệt, còn chân tâm là thường trụ bất biến. Sở dĩ chúng ta luân hồi là do vọng tâm hay chính là vọng tưởng. Cho nên công phu chân thật chính là làm thế nào dừng lại được vọng tâm.

Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp về “Quán tâm vô thường”):

Trong xã hội hiện đại này nhân tâm cực kỳ vô thường. Chúng ta phải hiểu tâm vô thường không phải chân tâm. Phật dạy rằng, sanh phải thời động loạn thì chúng ta phải tự độ, nói cách khác là chúng ta không cứu nổi người khác thì ít nhất phải tự cứu mình. Cứu mình không phải là tìm một nơi lánh nạn vì ngày nay có nơi nào trên thế giới là an toàn đâu. Vậy nên bỏ ý nghĩ

lánh nạn đi. Thế thì làm sao bảo toàn bản thân? Không sợ hãi cái chết, hiểu biết rằng sau cái chết thì đến đâu, về đâu?

Thân ta tuy chết rồi nhưng tinh thần không chết, tinh thần chính là cái mà người nước ngoài gọi là “ý thức”, tức là thân xác này dầu hủy thì ý thức vẫn còn. Người Trung Quốc gọi ấy là “linh hồn”, Phật giáo gọi là “thần thức”, Ấn Độ giáo gọi là “thần ngã”. Trong lục đạo đi đầu thai là thần thức đi, còn thân thể giống như quần áo, mục nát rồi thì cởi bỏ đôi bộ khác. Phật giáo cho rằng “thần ngã” cũng là giả ngã, không phải chân ngã. Chân ngã là tự tánh, tự tánh chính là linh tánh, giác tánh. Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy **“Lục căn môn đầu, phóng quang động địa”** (nghĩa là: Từ nơi lục căn phóng ánh sáng chấn động cõi đất): Mắt có thể thấy, kiến tánh của cái thấy (tức “tánh thấy”), đây là chân ngã; văn tánh của cái nghe (tức “tánh nghe”) là chân ngã. Lục căn tuy tùy theo căn mà gọi tánh, tánh thực ra là một, không phải sáu riêng biệt. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu công cụ của chúng ta.

Nói vậy có thể chưa rõ, chúng ta lấy thiết bị điện làm ví dụ: điện cho qua máy nhiếp ảnh có thể ghi hình, cho qua máy thu âm thì có thể nghe âm thanh, qua bếp điện thì có thể nấu cơm chín, nhưng điện chỉ là một. Chúng ta dùng thiết bị điện làm ví dụ chân tánh. Sáu “công cụ” này còn trên thân thể thì người ấy là người sống, lìa khỏi thì biến thành thi thể; cũng giống như thiết bị điện, có nguồn điện thì hoạt động, cắt nguồn điện thì thiết bị thành phế vật, tuy ngừng hoạt động nhưng nguồn điện vẫn tồn tại.

(Chú giải: Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy về tánh nghe, tánh thấy...như sau:

Phật bảo đánh chuông để chứng nghiệm “tánh nghe” thường còn.

Phật dạy:

- A Nan, ông tuy học rộng, nghe nhiều, nhưng các phiền não hữu lậu (tức mê lầm) chưa hết, nên ông chỉ biết suông cái tên “điên đảo”. Đến lúc cái “điên đảo” thật hiện tiền, thì ông lại không biết. Như thế thì sự tin hiểu của ông chưa được chắc chắn. Tôi nay đem những việc thường trong đời, để trừ các nghi lầm cho ông.

Khi đó Phật liền bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi ông A Nan rằng:

- Ông có nghe không?

A Nan thưa:

- Nghe ạ.

Đến lúc chuông hết ngân, Phật lại hỏi:

- Ông có nghe không?

A Nan lại thưa:

- Không nghe ạ.

Phật lại bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông nữa và hỏi:

- Ông có nghe không?

A Nan đáp:

- Nghe ạ.

Phật hỏi:

- Thế nào là nghe và thế nào là không nghe?

A Nan thưa:

- Vì đánh chuông có tiếng ngân, nên con nghe, đến khi tiếng chuông hết ngân thì con không nghe.

Phật dạy:

- A Nan! Khi tiếng chuông hết ngân, ông nói rằng: “không nghe”; nếu ông thật không có “cái nghe” thì ông đồng như cây đá, tại sao khi đánh tiếng chuông thứ hai, ông lại có nghe?

Vậy cho biết: cái “tiếng” (tức là cảnh) khi có, khi không, chớ cái “nghe” (tức tâm của ông) thì lúc nào cũng có. Nếu cái “nghe” của ông thật “không”, thì cái gì biết được “không nghe” đó?

Thế nên ông phải biết: cái “tiếng” đối với cái “tiếng” nó tự sanh và diệt, chớ ở cái “nghe” (tức tâm) của ông, không phải vì “tiếng” sanh mà nó “có”, “tiếng” diệt mà nó “không”. Tại ông điên đảo hôn mê, nhận cái “thường” (tức tánh nghe) làm đoạn diệt (tức tiếng) chứ không phải rời sáu trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v... mà các giác quan thấy, nghe, hay, biết của ông không có.

Phật chỉ khi ngủ, cái “nghe” cũng không mất:

- Như người đang ngủ, nằm trên giường chõng, trong nhà có người giã gạo, khi đó người ngủ kia mơ màng, tưởng là tiếng trống hoặc tiếng chuông, đến chừng thức dậy rồi mới nhận rõ đó là tiếng chày giã gạo.

A Nan! Người ngủ kia, mặc dù đối với cảnh vật hiện tiền, họ không thấy biết, mà cái “nghe” của họ cũng không mất.

Dù cho thân thể ông đến khi già chết tiêu tan, mà cái “tánh nghe” này cũng không vì ông già, chết đó mà tiêu diệt. Bởi chúng sanh từ vô thủy đến giờ, cứ theo các trần cảnh, khởi vọng niệm phân biệt lăng xăng, chưa từng ngộ được chân tâm thường còn của mình.

Vì cứ nương theo vọng niệm phân biệt, chẳng nương theo chân tâm thường trụ, cho nên đời đời nhiễm ô, trôi lăn trong vòng sanh tử. Vậy các ông phải bỏ cái vọng niệm sanh diệt, theo về với chân tâm thường trụ. Khi chân tâm thanh tịnh sáng suốt hiện tiền rồi, thì căn thân, trần cảnh và vọng trần và tâm cấu nhiễm đã tiêu rồi, lúc bấy giờ lo gì chẳng thành quả Phật vô thượng.

Phật giảng về chân tâm thường trụ:

Khi ấy vua Ba Tư Nặc đứng dậy thưa Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, lúc trước con chưa thọ giáo pháp của Phật, con nghe phái ngoại đạo Ca Chiên Diên và Tỳ La Chi tử đều nói: “Thân này sau khi chết rồi mất hẳn, gọi là Niết bàn”. Hôm nay con tuy được Phật chỉ dạy,

nhưng vẫn còn hồ nghi: làm sao biết rõ và chứng chắc cái tâm này không sanh diệt? Xin Phật từ bi chỉ dạy cho chúng con.

Phật hỏi:

- Đại vương! Cái thân của ông hiện tại đây, nó bền chắc như ngọc kim cương, còn mãi không hư hoại, hay là phải hoại diệt?

Vua đáp:

- Bạch đức Thế Tôn, thân con ngày nay đây, rốt cuộc rồi cũng bị hoại diệt.

Phật hỏi:

- Ông chưa chết, làm sao biết nó sẽ bị hoại diệt?

Vua đáp:

- Bạch Thế Tôn, cái thân vô thường của con đây, tuy chưa chết, nhưng hiện tiền nó đã tàn tạ dần! Ngày qua, rồi lại ngày qua! Mỗi niệm qua, qua từ sát na (tíc- tắc) không dừng!... cũng như củi đốt thành tro, cháy dần cho đến lúc tiêu tan! Vì thế nên con biết thân này nhất định sẽ tiêu diệt.

Phật nói:

- Phải!

Phật lại hỏi:

- Đại vương! Thân thể ông đâu phải tiêu diệt liền bây giờ?

Vua đáp:

- Bạch Thế Tôn, ngày qua tháng lại, hết hạ đến đông, nó thâm già chết, cho đến ngày nay, đầu bạc, răng rụng, chân lỏng, gối dùn, mắt mờ, tai lãng, già nua đến thế này, mà con thật không hay không biết!

Bạch Thế Tôn, khi con hai mươi tuổi, tuy nói rằng tuổi trẻ, thật ra nhan sắc đã già hơn khi mười tuổi. Khi ba mươi tuổi lại già hơn khi hai mươi tuổi. Cho đến ngày nay, con sáu mươi hai tuổi, lại già hơn khi năm mươi tuổi.

Nó âm thầm già chết, lấy trong khoảng thời gian mười năm mà nói như vậy. Nếu chín chắn suy nghĩ, thì cái già, cái chết này, không phải hạn định trong khoảng mười năm hay hai mươi năm, mà thật ra, mà nó già từng năm, từng tháng, từng ngày. Nếu suy nghĩ kỹ hơn nữa, thì nó già, chết từng phút, từng giây và từng sát na (tíc tắc)! Năm nay già hơn năm rồi, tháng này già hơn tháng trước, ngày hôm nay già hơn ngày hôm qua, giờ này già hơn giờ trước, phút này già hơn phút trước, cho đến sát na này cũng già hơn sát na trước. Thế nên con biết, thân này rốt cuộc rồi cũng tiêu diệt.

Phật hỏi:

- Đại vương! Ông thấy cái thân thể của ông âm thầm già chết như thế, nên ông lo buồn; vậy ở cái thân thể sanh diệt, già chết này, ông có biết được cái gì chẳng sanh diệt già chết không?

Vua Ba Tư Nặc chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, con thật không biết?

Phật dạy rằng:

- Tôi nay chỉ cho ông thấy cái không sanh diệt. Đây đại vương, khi ông mấy tuổi mới thấy được nước sông Hằng?

Vua đáp:

- Khi con lên ba tuổi, con được mẹ bồng đến yết kiến thành tỳ bà thiên (tức thành trường thọ) đi ngang qua sông này, nên lúc bấy giờ, con đã thấy được sông Hằng.

Phật hỏi:

- Hôm nay ông thấy sông Hằng, vậy cái “thấy” đó có khác không?

Vua thưa:

- Khi còn ba tuổi thấy sông Hằng, đến lúc ba mươi tuổi và nay được sáu mươi hai tuổi thấy sông Hằng đều không khác ă.

Phật dạy:

- Ngày nay ông lo buồn cho cái thân ông già yếu, đầu bạc, mặt nhăn, không được như lúc còn trẻ. Vậy nay sáu mươi hai tuổi, ông xem thấy sông Hằng cùng với khi còn trẻ thấy sông Hằng, cái “thấy” đó có già trẻ chi không?

Vua Ba Tư Nặc thưa:

- Bạch Thế Tôn, cái “thấy” không có già trẻ ă.

Phật dạy:

- Nay Đại vương, thân thể mặt mày ông tuy già, vậy cái nào có già, thì cái ấy sẽ bị biến đổi, tiêu diệt; còn cái nào không già, thì cái đấy không bị biến đổi tiêu diệt. Nó đã không sanh diệt, thì đâu có bị ông làm cho nó sanh tử luân hồi được. Rõ ràng như thế, ông không hiểu sao, mà vẫn còn dẫn lời của ngoại đạo Mạt-già-Lê nói: thân này chết rồi hoàn toàn diệt mất?

Vua Ba Tư Nặc cùng đại chúng nghe Phật dạy rồi, đều biết rằng: người chết rồi, là tâm bỏ thân này thọ thân khác, không phải mất hẳn. Ai nấy đều hớn hở vui mừng) (trích: Phật Học Phổ Thông - HT Thích Thiện Hoa)

Phật dạy “Tánh” mới là chân ngã, cũng là cái mà Kinh Hoa Nghiêm dạy: **“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”**. Câu này ý chỉ mười pháp giới y chánh trang nghiêm là đồng một tánh, cùng một A Lại Da Thức. Khi chúng ta biết tất cả chỉ cùng là một, thì tâm từ bi tự nhiên sinh ra. Nhà Phật có câu: **“Từ bi vi bổn, phương tiện vi môn”**, nghĩa là: “*Lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, niệm niệm đều nghĩ cho người khác chính là từ bi, chính là tình thương.

Người thật sự có trí huệ, biết thương người mới là thật sự thương bản thân mình, kính người mới là thật sự kính mình, giúp đỡ người mới thật là giúp mình vì hư không pháp giới là một thể. Phương pháp dạy học của Phật giáo Đại thừa là giảng về đạo lý và chân tướng sự thật, cho nên chúng ta nhất định phải dụng từ bi chân thành, từ bi thanh tịnh, từ bi bình đẳng, từ bi chánh

giác; từ bi chính là tình thương (trong tình thương có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng chánh giác thì gọi là “từ bi”). Dùng tâm này đối nhân, xử sự, tiếp vật, dùng tâm này để sống, dùng tâm này để làm việc tức là hướng tâm này đến một điều đúng đắn nhất_là bách lợi mà chẳng chút họa hại, nhà Phật gọi đó là “Tâm đại bồ đề”. Người có được tâm này tự nhiên có thể buông xả, tự nhiên có thể nhìn thấu. Nhìn thấu là thấu suốt chân tướng vũ trụ nhân sanh triệt để rõ ràng thông đạt; còn buông bỏ là tuyệt đối không tự tư tự lợi, toàn tâm toàn lực vì xã hội, vì tất cả chúng sanh mà phục vụ không điều kiện.

Thứ tư là “Quán pháp vô ngã”. Quán pháp vô ngã dạy chúng ta cách quán chính xác thân mình, sau mới nhìn ra thế giới; Toàn bộ người, sự và vật là thế giới. Phật dùng một chữ “pháp” làm đại danh chung cho hết thảy thứ ấy. “Vạn pháp giai không”, “Vạn pháp duyên sanh” “Đương thể tức không, liễu bất khả đắc” (có nghĩa là vạn pháp đều là không, phàm là pháp do duyên sanh đều không có tự tánh, cũng chính là không có tự thể, không thể có được). Trong “Vô ngã” thì ngã chính là một tự thể, vạn pháp không có tự thể, cho nên Kinh Kim Cang dạy: “Tất cả pháp hữu vi đều như mộng như huyễn, như bọt như ảnh, như sương, như sấm, nên quán sát như thế”.

“Quán” chính là Tứ niệm xứ quán. Tất cả pháp hữu vi đều như mộng như huyễn, như bọt như bóng, vậy quán pháp thế nào? Đức Phật dạy chúng ta cụ thể là: Quán thân, Quán thọ, Quán tâm, Quán pháp. Quán sát tỉ mỉ bốn phương diện này, đều là như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, đều “không thể có được”. Kinh Kim Cang dạy chúng ta rất rõ ràng **“Tam tâm bất khả đắc”** (nghĩa là: Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc). “Bất khả đắc” (nghĩa là không thể có được), ấy cũng chính là vô thường nên nhập môn học Phật trước tiên phải nhìn thấu, biết pháp vô ngã, biết tâm vô thường chính là nhìn thấu. Không có công phu này thì làm sao vào cửa được!

Bước đầu khi tôi học Phật, tôi được gặp Đại sư Chương Gia. Ngài dạy tôi “nhìn thấu, buông xả”. Phương pháp cụ thể nhìn thấu là quán Tứ niệm xứ; phương pháp cụ thể buông xả là Tứ như ý túc (hay cũng gọi là Tứ thần túc). Tứ chánh cần chính là mười thiện nghiệp, đoạn ác tu thiện, tu công tích đức. Những điều này đều là pháp căn bản của Phật Pháp. Lìa xa pháp căn bản thì dẫu tu tập chuyên cần vô lượng vô biên pháp môn thế nào cuối cùng cũng như rỗng không. Vậy nên điều căn bản là quan trọng hơn mọi thứ.

Về chữ “Ngã”, Phật pháp giảng rất nhiều nhưng có hai ý nghĩa quan trọng nhất.

Ý nghĩa thứ nhất là “chủ tử”, tức là tất cả các pháp không có chủ tử, tự mình không làm chủ được, gồm cả thân thể chúng ta; vì nếu có thể tự mình làm chủ thì sẽ không có lão, không có bệnh.

Ý nghĩa thứ hai là “tự tại” tất cả pháp, bản thân không có được tự tại (tự tại được hiểu như là tự do). Bất kỳ pháp nào cũng không thoát khỏi cách giải nghĩa này nên chúng ta phải quán sát tỉ mỉ.

Trong Luận Trung Quán dạy: “Các pháp không tự sanh” không những tự mình không thể sanh, “*diệc bất tùng tha sanh*» (nghĩa là: *Cũng không thể từ cái khác nó mà sinh ra*), cũng không thể cộng sanh (nghĩa là: *Cũng không thể vừa tự nó sinh ra, vừa do cái khác nó sinh ra*). Ngày nay chúng ta thường nói “*Các pháp đều là do nhân duyên mà sanh*” nên hiểu đây chỉ là một cách nói cho dễ hiểu, sự thật không phải vậy.

Trong Trung Quán Luận lại nói “*Bất cộng bất vô nhân, thị cố thuyết vô sanh*” (nghĩa là: *Cũng không thể vừa tự nó sinh ra, vừa do cái khác nó sinh ra. Vì vậy nên ta biết tự tánh của các pháp là vô sinh*), đây mới là sự thật.

Chư Phật, Bồ Tát hiểu rõ điều này nên thật sự được đại tự tại, chứng được Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát mà ba đức này đều có đủ “Thường – Lạc – Ngã – Tịnh”.

(Chú giải: *Thường, lạc, ngã, tịnh*:

Xin nhắc lại lời giảng của Hòa thượng từ bài 1 như sau:

Trong Phật pháp giảng về “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”, đây là bốn “tịnh đức”. Bốn tịnh đức này hoàn toàn là có thật, chắc chắn không phải là giả, nhưng nếu chúng ta chưa có được “kiến tánh”, thì đó chỉ là hữu danh vô thực.

“Thường” nghĩa là vĩnh hằng bất biến. Trong đời sống hiện thực của chúng ta, hễ là động vật thì có “Sanh, lão, bệnh, tử”, hễ là thực vật thì có “Sanh, trụ, dị, diệt”, hễ là khoáng vật thì có “Thành, trụ, hoại, không”. Tất cả không có gì là “Thường” cả;

Ngay cả “Lạc” cũng không có! Cái “Lạc” trong hiện tại của chúng ta chẳng qua chỉ là cái khổ tạm dừng mà thôi. Ví dụ, mỗi ngày chúng ta ăn ba bữa cơm, nếu có một bữa không ăn thì sẽ đói, cảm giác rất khổ sở, ăn no rồi, cái khổ của đói tạm ngưng lại, thế nên lại có cảm giác vui lại; Khi không ăn thì lập tức khổ hiện tiền. Vì thế phàm phu trong sáu cõi chỉ có khổ không có vui.

“Ngã” nghĩa là tự mình có thể làm chủ được. Nhưng phàm phu thì không thể làm chủ được, thường bị cảnh giới quấy nhiễu. Chưa có “kiến tánh” chắc chắn chưa có “Ngã” thật.

“Tịnh” là thân tâm thanh tịnh. Trong tâm chúng ta vì có “Thị - Phi, Nhân - Ngã”, có “Tham - Sân - Si - Mạn” nên thân không trong sạch, như thể một ngày không tắm rửa, mùi hôi thối xông lên vậy.

Cho nên “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh” không chỉ trong phàm phu «lục đạo» (tức là sáu cõi) không có mà “tứ thánh” pháp giới của “Thập” pháp giới cũng không có, chỉ vào Nhất chân pháp giới mới có. Trong Kinh Vô Lượng Thọ giảng rằng người và tất cả vạn vật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thường trụ bất biến, cho nên họ có đầy đủ “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”.

Ta thấy, Quán thân bất tịnh thì các vị ấy được tịnh rồi; Quán thọ thị khổ, các vị ấy được thọ lạc. Tâm của các vị ấy là chân tâm thường trụ; các pháp thật sự có ngã, thật sự có chủ thể, thật sự tự tại.

Phàm phu thì không có Thường – Lạc – Ngã – Tịnh. Không những phàm phu lục đạo không có, cả trong mười pháp giới cũng không có, đến Nhất chân pháp giới mới có. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian, khai thị cho chúng ta, hướng dẫn chúng ta buông bỏ lục đạo, mười pháp giới, kế nhập Nhất chân pháp giới. Vậy “chân” ấy ở đâu? Pháp thân là chân, Bát nhã là chân, Giải thoát là chân. Pháp thân là Thể, Bát nhã là Trí huệ, có thể chứng tánh Thể, Giải thoát là dụng. Có thể nói đây là tâm giáo huấn từ bi vô tận của Đức Phật dành cho hết thảy chúng sanh.

“Quán tâm vô thường” chính là “Tam tâm bất khả đắc” mà trong Kinh Kim Cang dạy. “Quán pháp vô ngã” chính là vạn pháp đều không, tức là **“Tất cả pháp hữu vi đều như mộng như huyễn, như bọt như bóng”**, trong Kinh Kim Cang cũng dạy, **“Phàm hễ có tướng đều là hư vọng”** vậy. Chư

pháp do duyên sanh, duyên sanh là vô tánh, không có tự tánh. Chân tướng của hiện tượng của tất cả các pháp chính là duyên tụ duyên tán. Duyên tụ thì hiện tượng này hiện ra, duyên tán thì hiện tượng này tiêu mất. Sự thật rõ ràng, duyên tụ các pháp không sanh, duyên tán các pháp không diệt, đã không sanh thì làm sao có diệt? Nếu chúng ta thông đạt đạo lý này thì tâm chúng ta liền thanh tịnh, thân tâm thể giới đều buông xả.

Buông bỏ được tất cả thì được đại tự tại, tức nhập cảnh giới. Được đại tự tại là tự thọ dụng, tâm địa thanh tịnh, chẳng chút nhiễm bụi trần.

Ngày nay chúng ta không làm được vậy, nguyên nhân vì đâu? Đại Sư Thanh Lương trong Kinh Hoa Nghiêm chia làm bốn khoa là Tín, Giải, Hành, Chứng. Hiện giờ chúng ta mới dừng lại ở Tín, Giải chưa có Hành, Chứng cho nên không đạt được thọ dụng chân thật. Nhất định phải có Hành chân chánh. Hành cái gì? Sửa đổi quan niệm của chúng ta, quan niệm sửa đổi rồi thì lời nói và hành vi liền đổi theo. Sửa đổi được rồi chính là **“Từ bi vi bốn, phương tiện vi môn”**, nghĩa là: *“Lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”*. Sau khi được đại triệt đại ngộ thì nhập cảnh giới Phật mà Kinh Pháp Hoa gọi là “Nhập Phật tri kiến”. Sau khi nhập Phật tri kiến, bất kể các vị ấy hiện thân phận gì thì hình ảnh mà các vị ấy hiện ra trong mười pháp giới chắc chắn đều là đại từ đại bi. Các vị thị hiện ở thế gian nhất định sẽ mở rộng cửa phương tiện giúp đỡ tất cả chúng sanh chưa giác ngộ thành giác ngộ. Ngày nay chúng ta không cách gì khế nhập cảnh giới, chính vì không biết “Tam tâm bất khả đắc”, không biết “Vạn pháp giai không”, mà “Vô ngã” chính là không.

Thật sự đạt đến Quán pháp vô ngã thì tâm mới thật sự được thanh tịnh, giống như chư Phật, Bồ tát, vô lượng kiếp tích lũy công đức, độ hóa vô lượng vô biên chúng sanh, chẳng nhiễm bụi trần. Kinh Kim Cang có câu: **“Độ vô lượng vô biên chúng sanh mà thực không có chúng sanh nào được độ”**. **“Thực không có chúng sanh”** tức là trong tâm không vương tướng, sao không vương tướng? Vì Quán pháp vô ngã. Nếu còn có ý niệm có công thì còn vương tướng, khác nào phàm phu, không những không thoát khỏi mười pháp giới mà cả lục đạo cũng không thoát được. Phàm phu muốn thoát khỏi lục đạo rất khó, vì họ còn *“tôi đã làm biết bao việc tốt, tôi đã tích biết bao công đức”*, vậy nên họ chỉ có thể hưởng thụ phước báo hữu lậu trong lục đạo mà thôi.

Muốn biến phước báo hữu lậu thành công đức vô lậu thì nói thật đến cả công đức vô lậu cũng không được, bất khả đắc mới thật sự được công đức vô lậu. Trong Luận Đại Thừa Khởi Tín Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta phải “*Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên*”. Ấy mới là công đức chân thật, còn như tâm ta còn mảy may phân biệt, chấp trước thì tất cả đều biến thành phước báo hữu lậu, làm được việc tốt nhiều, lớn cỡ nào cũng chỉ là phước báo hữu lậu.

Tôi tổng kết “Tứ niệm xứ” đúc kết thành “nhìn thấu”, “Tứ như ý túc” thành “buông xả”. Nếu chúng ta không hiểu thế nào là nhìn thấu, buông xả thì phải tìm hiểu, học hỏi hai nhóm này thật kỹ càng. Thường có thể xem được bài giảng về hai nhóm này của Đức Thế Tôn trong các kinh luận Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Cho nên cổ Đại đức mới nói chư Phật, Bồ Tát thị hiện giảng kinh thuyết pháp ở thế gian hết thảy đều không ngoài 37 phẩm trợ đạo. Chúng ta không nên xem 37 phẩm trợ đạo là Tiểu thừa. Tông Thiên Thai, Đại Sư Trí Giả giảng Tạng, Thông, Biệt, Viên, 37 phẩm trợ đạo của Tạng giáo là Tiểu Thừa, 37 phẩm trợ đạo của Viên giáo là Đại thừa trong Đại thừa. Cho nên nói, “*Người viên mãn thuyết pháp thì không pháp nào là không viên mãn*”.

Tóm lại, Tứ niệm xứ là sự quán sát của trí huệ. Sự quán sát này thật sự đúng đắn giúp thấy được chân tướng nhân sinh, vũ trụ đúng như ý nghĩa của lời dạy trong Tâm kinh “***Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không***”. Nếu chúng ta giống như Bồ Tát thấy Ngũ uẩn đều không thì Tứ niệm xứ chính là phương tiện tốt nhất.

Ba điều Quán đầu thuộc về nhân sinh quan, dạy chúng ta quán biến hóa của tự thân, hiểu rõ ràng sáng tỏ bản thân; Quán sau cùng dạy chúng ta quán vạn sự vạn pháp của vũ trụ để từ đó hiểu rõ sự biến hóa vạn pháp. Tư tưởng kiến giải được như chư Phật Bồ Tát, rồi sau mới có thể hội được; chư Phật Bồ Tát du hý thần thông trong mười pháp giới, còn chúng ta thọ nghiệp báo trong trong lục đạo, tạo thiện nghiệp thọ phước báo thiện, tạo ác nghiệp thọ báo khổ.

Trên thực tế, ý nghĩa Tứ niệm xứ không có tận cùng, chúng ta phải tỉ mỉ thể hội, chăm chỉ nỗ lực tu học. Mục tiêu của Tâm Kinh chính là quán Tứ niệm xứ. Chúng ta dùng trí huệ quán sát thế gian mới có thể biết được chân tướng pháp thế gian, mới có thể tu tâm thanh tịnh, mới có thể buông bỏ,

không nhiệm tất cả pháp thế xuất thế gian. Không những không vương nhiễm pháp thế gian mà cả pháp xuất thế gian cũng không vương nhiễm. Kinh Kim Cang dạy rằng: **“Pháp còn phải xả hướng hồ phi pháp”**, được vậy mới có thể từ từ khế nhập cảnh giới Phật, Bồ Tát. Như thế chính là cái gọi là **“chuyển thân nghiệp báo thành thân nguyện lực”**

Sống trong đời toàn tâm toàn lực giúp đỡ mọi chúng sanh đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành Thánh; tự mình hành thiện mà vẫn không đề khởi lên ý niệm về sự hành thiện ấy thì đó chính là thanh tịnh thật, hoàn toàn không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta phải hướng về mục tiêu này tiến bước vì đây chính là “con đường thành Phật”.

Hôm nay thời gian đã hết chúng ta giảng đến đây thôi

Chúc bạn:

Không làm các việc ác,

vâng làm các việc lành,

tự thanh tịnh tâm ý,

đó là lời Phật dạy

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!